

Bộ, ngành nào thì đưa luôn vào nhiệm vụ thường xuyên của Bộ, ngành đó để thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

*Điều 3.-* Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 20/1998/QĐ-TTg ngày 26-1-1998 về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị định số 19-CP ngày 16-2-1995 của Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và của Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.-* Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

*Điều 2.-* Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1998. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

*Điều 3.-* Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc

thực hiện bản Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

*Điều 4.-* Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUY CHẾ Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 20/1998/QĐ-TTg ngày 26-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

*Điều 1.-* Quy chế này áp dụng cho hoạt động quản lý tài chính đối với toàn bộ hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh).
- Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội huyện).

*Điều 2.-* Hàng tháng, Bộ Tài chính cấp đủ kinh phí cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả cho các đối tượng đang hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 1 tháng 1 năm 1995. Khoản kinh phí trên được hạch toán, quyết toán riêng theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

*Điều 3.-* Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành do người lao động và người sử dụng lao động

đóng, ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ, lãi hoạt động bảo tồn, tăng trưởng quỹ và thu khác. Quỹ bảo hiểm xã hội được quản lý tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hạch toán độc lập với ngân sách nhà nước và được Nhà nước bảo hộ.

*Điều 4.-* Quỹ bảo hiểm xã hội dùng để chi trả cho các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 1 tháng 1 năm 1995, chi phí quản lý bộ máy của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, chi cho hoạt động bảo tồn, tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội và chi khác.

*Điều 5.-* Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam được ngân sách nhà nước cân đối cấp dần trong một số năm, ngoài ra còn được bổ sung từ tiền sinh lời do thực hiện các biện pháp đầu tư tăng trưởng quỹ đem lại.

*Điều 6.-* Hàng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm lập dự toán thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, chi bộ máy quản lý, chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trình Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua và gửi Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ vào dự toán đã được thông qua giao nhiệm vụ thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, chi đầu tư xây dựng cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Quyết toán thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, chi đầu tư xây dựng và mua sắm, trang bị phương tiện làm việc theo chế độ kế toán bảo hiểm xã hội do Bộ Tài chính ban hành và các chế độ quản lý tài chính khác do Nhà nước quy định.

## Chương II

### NGUỒN HÌNH THÀNH QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

*Điều 7.-* Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động.
2. Nhà nước đóng và hỗ trợ để đảm bảo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

3. Tiền sinh lời từ việc thực hiện các hoạt động đầu tư bảo tồn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội.

4. Thu từ nguồn tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Các khoản thu khác.

*Điều 8.-* Việc đóng góp của các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội được thực hiện theo các quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều 36 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ, các quy định tại điểm 1 và điểm 2 Điều 34 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45-CP ngày 15-7-1995 của Chính phủ được thực hiện như sau:

1. Bảo hiểm xã hội các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thu bảo hiểm xã hội của tất cả các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đúng kỳ, đủ số lượng theo đúng quy định.

2. Hàng tháng, các đơn vị sử dụng lao động (kể cả các đơn vị, cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Ban Cơ yếu Chính phủ) có trách nhiệm đóng đầy đủ, kịp thời vào quỹ bảo hiểm xã hội, ngay sau khi thanh toán tiền lương hàng tháng cho người lao động.

*Điều 9.-* Hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam được mở tài khoản tiền gửi quỹ bảo hiểm xã hội tại hệ thống Kho bạc Nhà nước và được mở tài khoản chuyên thu bảo hiểm xã hội tại hệ thống ngân hàng thương mại của Nhà nước. Số dư trên tất cả các tài khoản tiền gửi của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam ở ngân hàng thương mại nhà nước và Kho bạc Nhà nước được hưởng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

## Chương III

### CHI TRẢ BẢO HIỂM XÃ HỘI

*Điều 10.-*

1. Bảo hiểm xã hội các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện chi bảo hiểm xã hội đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội.

2. Việc chi trả bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội các cấp trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các đơn vị sử dụng lao động, các đại diện phường, xã, thị trấn thực hiện phải đảm bảo đúng nguyên tắc quản lý tài chính; các chứng từ chi phải hợp pháp, hợp lệ đúng quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ chứng từ kế toán.

3. Bảo hiểm xã hội các cấp có quyền từ chối chi trả bảo hiểm xã hội cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi man trá, làm giả hồ sơ, tài liệu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; thực hiện ngay các biện pháp để thu hồi khoản tiền đã chi trả sai (nếu có), đồng thời thông báo cho các đương sự, đơn vị sử dụng lao động quản lý đối tượng đang làm việc hoặc chính quyền nơi đối tượng cư trú đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội để truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

*Điều 11.*- Ngân sách nhà nước cấp đủ kinh phí để chi trả cho các đối tượng đang hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 bao gồm các khoản:

1. Lương hưu.
2. Trợ cấp mất sức lao động.
3. Trợ cấp cho người bị tai nạn lao động và người phục vụ người bị tai nạn lao động, trang cấp dụng cụ cho người bị tai nạn lao động.
4. Trợ cấp bệnh nghề nghiệp.
5. Trợ cấp công nhân cao su.
6. Tiền tuất (định xuất cơ bản và nuôi dưỡng) và mai táng phí.
7. Tiền mua bảo hiểm y tế.
8. Lệ phí chi trả.
9. Các khoản chi khác (nếu có).

*Điều 12.*- Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện đầy đủ các quy định về việc lập dự toán, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí để chi trả cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính về thực hiện việc cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

*Điều 13.*- Quỹ bảo hiểm xã hội sử dụng để chi trả cho các đối tượng được hưởng các chế độ bảo

hiểm xã hội từ ngày 1 tháng 1 năm 1995 bao gồm các khoản:

1. Chi lương hưu (thường xuyên và một lần).
2. Trợ cấp cho người bị tai nạn lao động và người phục vụ người bị tai nạn lao động, trang cấp dụng cụ cho người bị tai nạn lao động.
3. Chi trợ cấp ốm đau.
4. Chi trợ cấp thai sản.
5. Trợ cấp bệnh nghề nghiệp.
6. Tiền tuất (định xuất cơ bản và nuôi dưỡng) và mai táng phí.
7. Tiền mua bảo hiểm y tế.
8. Lệ phí chi trả.
9. Các khoản chi khác.

#### Chương IV

### CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

*Điều 14.*-

1. Chi phí quản lý thường xuyên của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam lấy từ quỹ bảo hiểm xã hội được tính bằng tỷ lệ % trên số thực thu bảo hiểm xã hội hàng năm (do người lao động và người sử dụng lao động đóng góp). Trước mắt, chi phí quản lý được tính bằng tỷ lệ 6% trong 5 năm.

2. Chi phí quản lý của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước; ngoài ra những khoản chi tiêu đặc thù của ngành do Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm phân bổ chi phí quản lý bộ máy cho Bảo hiểm xã hội các cấp theo đúng định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu và nhiệm vụ được giao; bảo đảm nguyên tắc kinh phí phân bổ cho Bảo hiểm xã hội các cấp không được vượt so với tổng mức.

*Điều 15.*-

1. Hàng năm, căn cứ vào tỷ lệ chi phí quản lý đã được duyệt, Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập dự toán chi phí quản lý của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Hội đồng Quản lý Bảo hiểm

xã hội Việt Nam thông qua, gửi Bộ Tài chính để kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán bảo hiểm xã hội ban hành theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Điều 16.-*

1. Kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam do ngân sách nhà nước cân đối cấp dân trong một số năm và một phần từ các khoản thu nhập do hoạt động bảo tồn giá trị và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội đem lại.

2. Khi tiến hành đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp phát và nguồn vốn trích từ khoản lãi do đầu tư tăng trưởng quỹ đem lại, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

*Chương V*

**HOẠT ĐỘNG BẢO TOÀN GIÁ TRỊ VÀ TĂNG TRƯỞNG QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

*Điều 17.-*

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam được sử dụng tiền tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm xã hội để thực hiện các biện pháp bảo tồn giá trị và tăng trưởng. Việc dùng quỹ bảo hiểm xã hội để đầu tư phải bảo đảm an toàn, hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất, bảo toàn được giá trị và có hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện các biện pháp đầu tư để bảo tồn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội như:

- Mua trái phiếu, tín phiếu của Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

- Cho vay đối với ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

- Đầu tư vốn vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước có nhu cầu về vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép và bảo trợ.

*Điều 18.-* Tiền sinh lợi do hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội được phân bổ, sử dụng như sau:

- Được trích 50% trong 5 năm để bổ sung vốn cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của toàn hệ thống bảo hiểm xã hội.

- Trích 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 3 tháng lương thực tế toàn ngành.

- Phần còn lại bổ sung vào quỹ bảo hiểm xã hội để bảo toàn và tăng trưởng.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 23/1998/QĐ-TTg ngày 31-1-1998 về thành lập Hội đồng Tài chính - Tiền tệ Nhà nước.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.-* Thành lập Hội đồng Tài chính - Tiền tệ Nhà nước giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng về chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia.

*Điều 2.-* Hội đồng Tài chính - Tiền tệ Nhà nước có nhiệm vụ:

1. Xem xét, thảo luận và có ý kiến đề xuất về các đề án, chủ trương, chính sách và kế hoạch tài chính - tiền tệ do các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh,